

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020**

Số: 08/BC-TTR

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 03 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÁN THÉP THÁI TRUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 08 /BC-TTR

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4600451322 đăng ký lần đầu ngày 29/08/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 15/04/2020.
- Vốn điều lệ: 508.000.001.467 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 508.000.001.467 đồng
- Địa chỉ: Tổ 13, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại: 0208 3735 690
- Số fax: 0208 3735 716
- Website: www.ttr.com.vn
- Mã cổ phiếu: TTS
- Sàn giao dịch: UpCoM

Quá trình hình thành và phát triển:

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

+ Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được hình thành trên cơ sở Công văn số 292/VNS ngày 12/03/2008 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về chủ trương đầu tư xây dựng công trình Nhà máy Cán thép công suất 500.000 tấn/năm theo hình thức Công ty cổ phần gồm Công ty Gang thép Thái Nguyên và các doanh nghiệp khác có năng lực về vốn tham gia xây dựng dự án;

+ Ngày 29/08/2008 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với sự tham gia góp vốn của ba (03) cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên, Công ty TNHH Thương mại & Du lịch Trung Dũng và Công ty TNHH Thương mại & Xây dựng Hà Nam với mức vốn điều lệ đăng ký là 750 tỷ đồng;

+ Ngày 19/11/2008 được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đầu tư số: 17/121 000 096 với tổng vốn đầu tư là 1.498 tỷ đồng Việt Nam;

+ Ngày 16/07/2009 Tổ chức Lễ ký hợp đồng gói thầu EPC Xưởng cán thép và các công trình phụ trợ Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy cán thép công suất 500.000 tấn/năm với Tập đoàn Danieli - Italia cung cấp, lắp đặt và chuyển giao công nghệ.

+ Ngày 19/07/2009 Công ty tổ chức Lễ khởi công xây dựng Nhà máy

+ Ngày 13/04/2013 đến 04/06/2013 Công ty tổ chức sản xuất thử và chứng minh công suất thành công các loại sản phẩm thép xây dựng bao gồm: Thép thanh vằn và tròn trơn có đường kính từ D10 – D40 đạt tiêu chuẩn và chất lượng quốc tế, chính thức tham gia vào thị trường thép xây dựng trong và ngoài nước.

+ Ngày 29/08/2013 Công ty tổ chức Lễ Khánh thành Nhà máy đưa Nhà máy đi vào sản xuất theo kế hoạch.

+ Ngày 16/09/2013 Công ty đón nhận Chứng chỉ Quản lý chất lượng ISO 9001 – 2008; Chuyển đổi phiên bản ISO 9001 – 2015 ngày 01/08/2018.

- Các sự kiện khác:

+ Ngày 06/05/2009: Thành lập Công đoàn cơ sở Công ty cổ phần Cán thép Thái Trung;

+ Ngày 06/08/2013: Thành lập Đảng bộ Công ty cổ phần Cán thép Thái Trung trực thuộc Đảng bộ Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên.

+ Ngày 18/06/2014: Thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Công ty cổ phần Cán thép Thái Trung.

+ Ngày 15/01/2015: Thành lập BCH Quân sự Công ty cổ phần Cán thép Thái Trung.

+ Ngày 08/11/2016: Thành lập Hội Cựu chiến binh Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất:

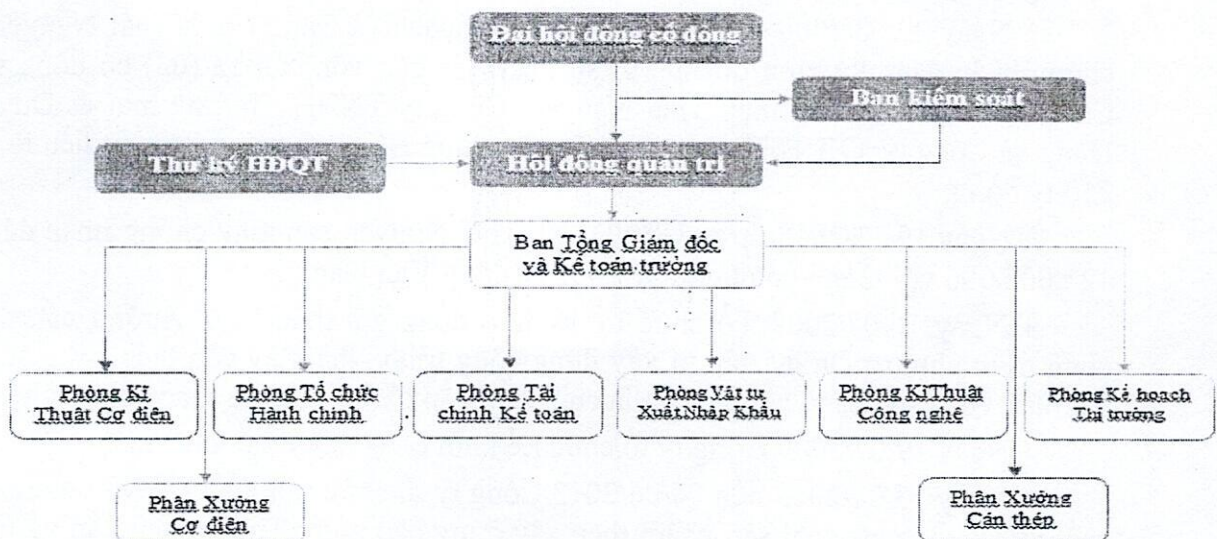
TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sắt, thép, gang (sản xuất thép);	2410
2	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (bán buôn sắt thép, phôi thép, quặng kim loại)	4662

- Địa bàn kinh doanh (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)

Địa bàn kinh doanh của Công ty hiện nay chủ yếu là tại tỉnh Thái Nguyên. Công ty hiện chưa lập Hệ thống phân phối sản phẩm ở các tỉnh, thành phố khác.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

a) Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.



b) Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung. Đại hội cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung vốn điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

- Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 (ba) thành viên; 01 (một) Chủ tịch Hội đồng quản trị và 02 (hai) thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

- Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung bao gồm 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập BCTC nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

- Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty bao gồm 03 (ba người): 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao quy định tại Điều lệ Công ty.

Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc Tổng Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Tổng Giám đốc ủy quyền theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy chế của Công ty.

c) Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết): Không có

4. Định hướng phát triển.

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Về sản xuất: Tăng cường các giải pháp về kỹ thuật công nghệ nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị, giảm các tiêu hao về vật tư, nguyên nhiên vật liệu, giảm các chi phí, hạ giá thành sản phẩm trên nguyên tắc đảm bảo về số lượng, chất lượng sản phẩm;

- Duy trì và vận hành hệ có hiệu quả thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và hệ thống phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

- Về kinh doanh: Khai thác thêm thị trường tiềm năng ở trong nước, tiếp cận thị trường ở ngoài nước bằng chính sách “Đáp ứng cao nhất các yêu cầu hợp lý của khách hàng về giá cả, chất lượng sản phẩm và dịch vụ”;

- Về xây dựng và đào tạo nguồn nhân lực: Công ty sẽ tiếp tục công tác đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng được chiến lược trên;

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Tập trung nguồn lực để xây dựng Công ty trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong ngành thép Việt nam.

Những chiến lược và định hướng nêu trên với mục tiêu gia tăng gia tăng sức cạnh tranh trên thị trường về chất lượng sản phẩm, giá cả và chất lượng dịch vụ. Đảm bảo cho sản phẩm của Công ty có một thị phần ở trong nước phù hợp với năng lực sản xuất và tiến tới xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài.

c) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- Các mục tiêu chung:

+ Nhận thức rõ về lợi ích của việc lồng ghép trách nhiệm xã hội doanh nghiệp đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, cộng đồng và xã hội.

+ Thực hiện lồng ghép trách nhiệm xã hội doanh nghiệp như là một phần không thể tách rời trong chiến lược sản xuất, kinh doanh của đơn vị, trong đó thể hiện sự quan tâm tới các vấn đề dưới đây:

- . Môi trường.
- . Lao động.
- . Sự tham gia của cộng đồng và phát triển cộng đồng.
- . Giáo dục và đào tạo nhân viên.
- . Kinh doanh trung thực.
- . Quan hệ khách hàng (dịch vụ chăm sóc khách hàng, hỗ trợ giải quyết khiếu kiện và tranh chấp).
- . Việc điều hành doanh nghiệp và quyền cá nhân hợp pháp của người lao động.

- Các mục tiêu cụ thể:

+ *Lĩnh vực Môi trường:*

. Phòng ngừa, khắc phục ô nhiễm: Có chính sách và giải pháp phòng ngừa rủi ro, sự cố môi trường, hạn chế thấp nhất tác động xấu tới môi trường xung quanh. Khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường; Phục hồi và cải thiện môi trường; Bảo vệ đa dạng sinh học.

. Bảo vệ môi trường: Chủ động đầu tư xây dựng, vận hành hiệu quả hệ thống thu gom xử lý nước thải, chất thải rắn, bụi, khói, tiếng ồn. Duy trì quan trắc, kiểm soát các nguồn thải để xử lý kịp thời,

. Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên: Sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nguyên, nhiên liệu, đồng thời tăng cường sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, ứng dụng các thực hành tốt công nghệ, quy trình sản xuất sạch;

. Phát triển bền vững: Có giải pháp hiệu quả trong việc kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường. Có sáng kiến và triển khai thành công các chương trình, dự án về cải thiện và bảo vệ môi trường; Lồng ghép các hoạt động cải thiện, bảo vệ môi trường vào chiến lược phát triển bền vững và mang lại lợi ích cho Công ty;

. Giảm thiểu tác động và ứng phó với biến đổi khí hậu: Có kế hoạch, chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu trên góc độ doanh nghiệp.

. Trách nhiệm xã hội về môi trường: Có các hoạt động chung tay bảo vệ môi trường như: Đầu tư xây dựng các công trình thu gom, xử lý nước thải, rác thải trong địa bàn dân cư; Trồng cây xanh, xây công trình nước sạch vệ sinh môi trường; Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường tại khu dân cư....

+ *Lĩnh vực Lao động:*

. Tuân thủ tốt pháp luật về lao động;

. Có các chính sách cải thiện điều kiện làm việc và an toàn vệ sinh lao động cũng như môi trường làm việc cho người lao động;

. Có các công cụ truyền thông và đối thoại xã hội phục vụ cho việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa;

. Có chính sách cụ thể về phát triển nguồn nhân lực.

5. *Các rủi ro:* (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường):

Là ngành công nghiệp quan trọng của nền kinh tế, ngành thép chịu mọi biến động của nền kinh tế quốc dân cũng như biến động của nền kinh tế thế giới trong xu hướng toàn cầu hóa, tự do mậu dịch;

Là một đất nước đang phát triển, Việt Nam vẫn đang trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, do đó xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng là nhu cầu cần thiết, đây là động lực thúc đẩy sự phát triển của ngành thép Việt Nam trong những năm qua và trong tương lai;

- Quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

+ *Rủi ro thị trường:*

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

. Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

. Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty

có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

+ Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

+ Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

- Rủi ro khác: Là các rủi ro bất khả kháng như thiên tai...sẽ gây ra những tổn thất về người và tài sản cũng như sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Rủi ro về môi trường:

+ Ngành sản xuất công nghiệp đặc biệt là công nghiệp nặng luôn tiềm ẩn những yếu tố gây tác động đến môi trường sống.

+ Giải pháp: Luôn tuân thủ các chính sách, quy định về môi trường, lựa chọn công nghệ tiên tiến đồng thời không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu tác động đến môi trường.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2020:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019	Năm 2020		So sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	TH2020 /TH2019	TH/KH 2020
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5
1	Giá trị SXCN	Tỷ đồng	1.299	1.444	1.505	115,86	104,22
2	Sản phẩm thép cán các loại	Tấn	341.777	380.000	396.176	115,92	104,26
3	Tổng doanh thu và các khoản thu nhập khác	Tỷ đồng	4.069,68	4.218	4.317,19	106,08	102,35
3.1	Các khoản giảm trừ DT	Tỷ đồng	-		-		
3.2	Tổng DT và các khoản TN khác sau giảm trừ DT	Tỷ đồng	4.069,68	4.218	4.317,19	106,08	102,35
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	14,75	16,56	28,52	193,34	172,24
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	14,75	16,56	28,52	193,34	172,24
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	15,74	17	23,20	147,39	136,45
7	Lao động bình quân	Người	288	290	275	95,49	94,83

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019	Năm 2020		So sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	TH2020 /TH2019	TH/KH 2020
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5
	(người /tháng)						
8	Tiền lương bình quân (đồng/người-tháng)	Triệu. đồng	8,40	8,70	9,70	115,48	111,49
9	Cổ tức	%	0	0	0	0	0

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Trong năm 2020, Công ty kết hợp sử dụng nguồn nhiên liệu khí than cốc, khí CNG và dầu FO cho việc nung phôi thép cán đã đưa đến hiệu quả nhất định. Hiệu suất thiết bị đạt trên 86,60%, tăng 3,10% so với năm 2019.

- Giảm tiêu hao nhiên liệu so với định mức đề ra.
- Thiết bị trên dây chuyền hoạt động tương đối ổn định.
- Môi trường, mặt bằng làm việc sạch sẽ.
- Sản xuất ổn định, các tổ chức tín dụng đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp hạn mức tín dụng, góp phần giảm bớt áp lực về tài chính cho Công ty, tránh nợ quá hạn.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Trước tình hình tiêu thụ thép có nhiều biến động, ảnh hưởng của dịch Covid-19 kéo dài. Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung đã nỗ lực phấn đấu và đạt được kết quả như sau:

+ Tổng sản lượng: 396.176 tấn, đạt 104,26% so với kế hoạch, tăng 15,92% so với năm 2019.

+ Tổng doanh thu và các khoản thu nhập khác: 4.317,19 tỷ đồng, đạt 102,35% so với kế hoạch, tăng 6,08% so với năm 2019.

+ Lợi nhuận: 28,52 tỷ đồng, đạt 172,24 % so với kế hoạch, tăng 93,34% so với năm 2019, do:

. Năm 2020, Công ty sản xuất và tiêu thụ 396.177 tấn thép các loại, vượt 15,92% so với cùng kỳ năm 2019. Tuy nhiên do giá bán giảm 8,60% dẫn đến doanh thu bán hàng chỉ tăng 5,99% so với cùng kỳ năm trước.

. Giá bán năm 2020 giảm nhưng do giá phôi là nguyên vật liệu chính giảm 8,57%, giá dầu giảm 28,50%, giá khí than cốc giảm 32,90% đồng thời giá điện bình quân giảm đã làm cho hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty so với cùng kỳ năm 2019 tăng 7,76 tỷ đồng.

. Năm 2020, Chi phí tài chính giảm 7,66 tỷ là so với cùng kỳ là do công ty đã trả nợ dài hạn ngân hàng được 60 tỷ theo kế hoạch và lãi suất vay ngắn hạn giảm từ 7,5% xuống còn 7%. Tuy nhiên chi phí quản lý của công ty tăng 0,94 tỷ và thu nhập khác giảm 0,76 tỷ làm cho lợi nhuận giảm 1,70 tỷ đồng.

+ Thu nhập bình quân: 9,70 triệu đồng/người-tháng, đạt 111,49% so với kế hoạch, tăng 15,48% so với năm 2019.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đều đạt và giảm so với định mức đề ra.

Năm 2020, Ban điều hành đã chỉ đạo các phòng ban, phân xưởng sản xuất chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật, nguyên nhiên vật liệu, năng lượng đáp ứng đủ và kịp thời cho sản xuất, quản lý tồn kho hợp lý. Qua quá trình sản xuất trình độ tay nghề của người lao động được nâng lên, tỷ lệ phế phẩm đã giảm và đạt quy định của Công ty, các sản phẩm cán chế đã đạt được sự ổn định và giảm được các sự cố công nghệ.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.

Danh sách Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

- | | |
|---------------------------|---------------------|
| - Ông Trần Tuấn | - Tổng Giám đốc |
| - Ông Phạm Thế Dũng | - Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Phan Đình Hạnh | - Phó Tổng Giám đốc |
| - Bà Nguyễn Thị Minh Châu | - Kế toán trưởng |

Sơ yếu lý lịch Ban điều hành và Kế toán trưởng:

1. Ông Trần Tuấn - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông	: Trần Tuấn
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 28/02/1967
Nơi sinh	: Mỹ Hào, Mỹ Văn, Hưng Yên
Số CMND	: 090765736; Cấp tại Thái Nguyên
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Mỹ Hào, Mỹ Văn, Hưng Yên
Địa chỉ thường trú	: Số nhà 8/2, tổ 5, phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư cơ học biến dạng và cán kim loại
Quá trình công tác	:
06/1988 - 05/1998	: Công nhân tại nhà máy Cán thép Lưu Xá thuộc Công ty Gang thép Thái Nguyên
06/1998 - 04/2001	: Trưởng ca công nghệ tại nhà máy Cán thép Lưu Xá thuộc Công ty Gang thép Thái Nguyên
05/2001 - 11/2005	: Phó Quản đốc phân xưởng cán thép tại Nhà máy Cán

	thép Lưu Xá thuộc Công ty Gang thép Thái Nguyên
12/2005 - 09/2011	: Quản đốc phân xưởng tại Nhà máy Cán thép Lưu Xá thuộc Công ty Gang Thép Thái Nguyên
10/2011 - 04/2015	: Phó Giám đốc - CTCĐ Nhà máy Chi nhánh CTCP Gang thép Thái Nguyên - Nhà Máy Cán thép Lưu Xá
05/2015 - 04/2016	: TV Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cán Thép Thái Trung
05/2016 - 05/2020	: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cán Thép Thái Trung.
06/2020 - 12/2020	: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cán Thép Thái Trung.
Chức vụ hiện tại tại tổ chức đăng ký giao dịch	: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cán Thép Thái Trung.
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không
Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành:	: Sở hữu đại diện: 23.793.826 cổ phần của Công ty CP Gang thép Thái Nguyên chiếm 46,84% VDL - Sở hữu cá nhân: Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	: Không
Các khoản nợ đối với công ty:	: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	: Tiền lương
Số cổ phần của những người có liên quan:	: Không

2. Ông Phạm Thế Dũng - Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ông	: Phạm Thế Dũng
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 01/08/1961
Nơi sinh	: Thái Nguyên
Số CMND	: 090 468 795; Cấp tại Thái Nguyên
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Nhã Nam, Tân Yên, Bắc Giang
Địa chỉ thường trú	: Hương Sơn, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Cơ khí
Quá trình công tác	:

09/1982 - 03/1998	: Công nhân Nhà máy Cán thép Lưu Xá thuộc Công ty Gang thép Thái Nguyên
04/1998 - 05/2001	: Kỹ sư Nhà máy Cán thép Lưu Xá thuộc Công ty Gang thép Thái Nguyên
06/2001 - 12/2003	: Quản đốc Xưởng Cơ điện Nhà máy thép Việt Ý
01/2004 - 02/2009	: Quản đốc phân xưởng Cơ điện Nhà máy Cán thép Thái Nguyên thuộc Công ty gang thép Thái Nguyên
03/2009 - 04/2016	: Trưởng phòng Kỹ thuật Cơ điện Công ty CP Cán thép Thái Trung
05/2016 - 12/2020	: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cán thép Thái Trung
Chức vụ hiện tại tại tổ chức đăng ký giao dịch	: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cán thép Thái Trung.
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	: Không.
Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành:	: - Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, chiếm 0,01% VDL.
Hành vi vi phạm pháp luật:	: Không
Các khoản nợ đối với công ty:	: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	: Tiền lương, cổ tức cổ phần sở hữu cá nhân
Số cổ phần của những người có liên quan:	: Không

3. Ông Phan Đình Hạnh - Phó Tổng Giám đốc

Ông	: Phan Đình Hạnh
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 10/05/1961
Nơi sinh	: Nam Thịnh, Nam Đàn, Nghệ An
Số CMND	: 090 522 051; Cấp tại Thái Nguyên
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Nghệ An
Địa chỉ thường trú	: Trung Thành, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Cán kim loại; Cử nhân Quản trị KD
Quá trình công tác	:
11/1983 - 08/1994	: Kỹ thuật viên; Trưởng ca Công nghệ Nhà máy Cán

	thép Lưu Xá thuộc Công ty Gang thép Thái Nguyên
09/1994 - 07/2005	: Trưởng phòng Công nghệ Công ty TNHH NasteelVina.
08/2005 - 12/2008	: Kỹ sư, phòng Kỹ thuật, Công ty Gang thép Thái Nguyên
01/2009 - 06/2013	: Ủy viên HĐQT; Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ Công ty CP Cán thép Thái Trung
01/2009 - 12/2014	: Thư ký Công ty Công ty CP Cán thép Thái Trung
07/2013 - 12/2020	: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cán thép Thái Trung.

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: : Không

Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: : - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 14.000 cổ phần, chiếm 0,028% VDL

Hành vi vi phạm pháp luật: : Không

Các khoản nợ đối với công ty: : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: : Tiền lương, cổ tức cổ phần sở hữu cá nhân

Số cổ phần của những người có liên quan: : Không

4. Bà Nguyễn Thị Minh Châu – Kế toán trưởng

Bà	: Nguyễn Thị Minh Châu
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 11/04/1973
Nơi sinh	: Thái Nguyên
Số CMND	: 090 620 639; Cấp tại Thái Nguyên
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội
Địa chỉ thường trú	: Tổ 4, phường Trung Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	:
12/1994 - 03/2001	: Nhân viên kinh tế tại Ban Quản lý Dự án công trình thuộc Công ty Gang thép Thái Nguyên

04/2001 - 11/2007	:	Nhân viên Kế toán tại Phòng Kế toán Thống Kê Tài chính Công ty Gang thép Thái Nguyên
12/2007 - 05/2008	:	Kế toán trưởng tại CTCP Khoáng sản Thái Nguyên
06/2008 - 11/2013	:	Nhân viên Kế toán tại Phòng Kế toán Thống Kê Tài chính Công ty Gang thép Thái Nguyên
12/2013 - 04/2015	:	Trưởng phòng Kế toán tại Chi nhánh CTCP Gang Thép Thái Nguyên – Mở sắt Tiến Bộ
07/2013 - 04/2015	:	Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty CP Cán thép Thái Trung
05/2015 - 12/2020	:	Kế toán trưởng tại Công ty CP Cán thép Thái Trung
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	:	- Trưởng Ban kiểm soát CTCP Hợp kim sắt Phú Thọ.
Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành:	:	- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần - Sở hữu cá nhân: 500 cổ phần, chiếm 0,001% VDL
Hành vi vi phạm pháp luật:	:	Không
Các khoản nợ đối với công ty:	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	:	Tiền lương, cổ tức cổ phần sở hữu cá nhân
	:	- Những thay đổi trong ban điều hành: Không
	:	- Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách đối với người lao động:
	:	+ Số lượng cán bộ công nhân viên tại thời điểm 31/12/2020: 268 người; Trong đó nữ: 59 người.
	:	+ Chất lượng lao động:
	:	. Kỹ sư, cử nhân: 94 người; Trong đó nữ: 26 người
	:	. Cao đẳng, Cao đẳng nghề: 37 người; Trong đó nữ: 10 người
	:	. Trung cấp, Trung cấp nghề: 66 người; Trong đó nữ: 10 người
	:	. CNKT/sơ cấp nghề: 71 người; Trong đó nữ: 13 người
	:	+ Chính sách đối với người lao động:
	:	. Công ty chi trả đầy đủ tiền lương theo mức độ đóng góp của từng người lao động vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty thể hiện cụ thể bằng Quy chế tiền lương;
	:	. Công ty áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm theo chức danh công việc, trình độ, năng lực và mức độ hoàn thành công việc của từng tập thể, cá nhân;
	:	. Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, năng lực và hiệu quả công tác của tập thể, cá nhân người lao động, Công ty xem xét áp dụng chế độ thưởng từng quý, cuối năm, thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, thưởng đột xuất.
	:	+ Đời sống xã hội: Công ty có chính sách trợ cấp người lao động gặp khó khăn đột xuất. Đảm bảo chế độ ăn giữa ca, chế độ bồi dưỡng hiện vật đối với người lao động làm việc trong môi trường nặng nhọc độc hại.

- Bảo hiểm xã hội: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính:

- a) Tình hình tài chính:

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.342.985.486.305	1.404.936.635.579	4,61
Doanh thu thuần	4.061.823.842.630	4.311.770.772.304	6,15
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.031.501.415	23.563.633.813	160,90
Lợi nhuận khác	5.720.563.585	4.958.538.727	-13,32
Lợi nhuận trước thuế	14.752.065.000	28.522.172.540	93,34
Lợi nhuận sau thuế	14.752.065.000	28.522.172.540	93,34
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

- b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,495	0,581	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,436	0,552	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,813	0,801	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	4,344	4,021	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	112,385	120,998	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3,024	3,069	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,004	0,007	

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,059	0,102	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,011	0,020	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,002	0,005	

Những thuận lợi:

- Năm 2020, Công ty đã sản xuất được 396.177 tấn sản phẩm thép cán đạt 104,26% kế hoạch năm nên sản xuất kinh doanh có hiệu quả và đời sống người lao động được nâng lên, nộp ngân sách đầy đủ cho nhà nước.

- Năm 2020, ngoài sản xuất sản phẩm mang thương hiệu TISCO thì còn sản xuất và tiêu thụ 10.631 tấn sản phẩm thép khác.

Những khó khăn:

- Năm 2020, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong điều kiện giá vật tư, nguyên vật liệu chính có nhiều biến động khó lường, thị trường thép xây dựng cạnh tranh gay gắt bên cạnh đó ảnh hưởng của dịch COVID kéo dài dẫn đến có thời kỳ sản phẩm tiêu thụ chậm, hàng tồn kho cao, Công ty phải dừng sản xuất. Từ cuối quý III và quý IV nguyên vật liệu chính khan hiếm dẫn đến công ty phải sản xuất cầm chừng do đó tình hình tài chính rất khó khăn nên việc thanh toán cho các nhà cung cấp cuối năm không đảm bảo.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu: 50.800.000 cổ phiếu;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/CP;
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
- Số cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 50.800.000

b) Cơ cấu cổ đông:

- Phân theo tỷ lệ sở hữu:

- + Cổ đông lớn: sở hữu: 47.587.653 cổ phần; Chiếm: 93,68%
- + Cổ đông nhỏ: sở hữu: 3.212.346 cổ phần; Chiếm: 6,32%

- Phân loại theo hình thức sở hữu:

- + Cổ đông là tổ chức: sở hữu 50.008.507 cổ phần; Chiếm: 98,45%
- + Cổ đông cá nhân: sở hữu 791.493 cổ phần; Chiếm: 1,55%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm 2019 Công ty không phát hành, chào bán chứng khoán ra thị trường.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Phôi thép :	404.879,649	tấn
- Dầu FO:	5.648,653	Tấn
- Khí CNG:	63.200,569	mmBTU
- Khí than cốc	9.531.110	m ³
- Dây đai đóng bó SP:	200,045	tấn

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Chưa áp dụng.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp:

+ Điện năng tiêu thụ trực tiếp:	38.687.796	kwh
+ Dầu FO:	18,36	kg/tấn sp
+ Dầu mỡ bôi trơn:	0,055	kg/tấn sp
+ Dầu thủy lực:	0,035	kg/tấn sp

- Năng lượng tiêu thụ gián tiếp:

+ Điện năng tiêu thụ gián tiếp:	1.688.274	kwh
---------------------------------	-----------	-----

b) Tiêu hao năng lượng năm 2020.

Tổng tiêu hao năng lượng năm 2020 của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung quy đổi ra TOE là 1.432.460.046,77 (theo Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/09/2020 của Bộ Công thương quy định về việc lập kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện kiểm toán năng lượng).

6.3. Tiêu thụ nước:

- Tiêu thụ nước công nghiệp trực tiếp:	101.313	m ³ .
- Tiêu thụ nước sạch sinh hoạt:	6.306	m ³ .

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn nước sinh hoạt: Sử dụng nguồn nước do Nhà máy nước sạch Tích Lương, Thái Nguyên trực thuộc Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.

- Nguồn nước sản xuất: Sử dụng nguồn nước công nghiệp của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng là: 81.050 m³

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường như:

- Lập báo cáo tác động môi trường, được UBND tỉnh phê duyệt, quyết định.
- Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ theo quy định.
- Có sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

- Thực hiện hợp đồng với đơn vị có đủ điều kiện về xử lý chất thải nguy hại để xử lý các chất thải có trong công ty theo quy định.

- Thực hiện thu gom và quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Thực hiện thường xuyên công tác vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lao động thời điểm 31/12/2020: 268 người;

- Mức lương trung bình: 9,70 triệu đồng/người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty nỗ lực tạo ra môi trường làm việc lành mạnh và an toàn cho CBCNV: Các CBCNV được huấn luyện định kỳ về sức khỏe và an toàn cần thiết cho công việc của họ, đồng thời các phân xưởng sản xuất của Công ty được quản lý chặt chẽ thông qua thiết kế phù hợp, kiểm soát kỹ thuật và hành chính, bảo dưỡng phòng ngừa và xây dựng quy trình làm việc an toàn. Công tác kiểm tra được tiến hành thường xuyên.

Các chính sách, nguyên tắc về sức khỏe và an toàn do Nhà nước ban hành được cập nhật thường xuyên để phản ánh điều kiện sức khỏe và an toàn hiện tại. Những nguyên tắc này bao gồm quản lý vật liệu nguy hiểm và giảm thương tích tại nơi làm việc.

Để thực hiện các chính sách trên, Công ty đã tổ chức thực hiện các biện pháp:

- Tổ chức bộ phận y tế trực cấp cứu 24/24 giờ nhằm sơ cấp cứu ban đầu trong trường hợp người lao động ốm đau hoặc bị tai nạn khi đang làm việc;

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động: 01 lần/năm đối với lao động làm công việc bình thường; 02 lần/năm đối với lao động làm các công việc nặng nhọc độc hại;

- Tổ chức khám sức khỏe cho lao động nữ 01 lần/năm;

- Tổ chức đo kiểm tra môi trường lao động làm cơ sở để có các biện pháp cải thiện điều kiện làm việc đối với người lao động;

- Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động định kỳ cho người lao động lao động làm các công việc bình thường 01 lần/năm; lao động làm công việc nặng nhọc độc hại 02 lần/năm;

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động làm việc tại Công ty;

- Đảm bảo các chế độ phúc lợi đối với người lao động theo quy chế hiện hành của Công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

+ Quản lý: 08 giờ/người-năm;

+ Công nhân, nhân viên, phục vụ: 24 giờ/người-năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

Công ty cử cán bộ, nhân viên tham gia các chương trình phát triển kỹ năng theo chuyên ngành do các tổ chức có uy tín tổ chức. Tạo điều kiện để nhân viên cập nhật các thông tin mới, các quy định mới của Nhà nước, phục vụ cho công việc được phân công.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Năm 2020, Công ty chưa có những hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, việc hỗ trợ tài chính phục vụ cộng đồng còn hạn chế.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và các hoạt động điều hành khác; đồng thời có các chủ trương, định hướng và chỉ đạo kịp thời đối với việc quản lý và điều hành của Ban Tổng Giám đốc nhằm phấn đấu hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Được sự quan tâm, chỉ đạo của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất sát sao, do đó chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật ổn định và đạt yêu cầu, chính vì vậy tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty có chiều hướng tích cực. Hiệu suất thiết bị đạt trên 86,60%, tăng 3,10% so với năm 2019. Các chỉ tiêu chủ yếu đạt được như sau:

- Sản lượng sản xuất được 396.176 tấn đạt 104,26% kế hoạch năm 2020 và tăng 15,92% so với năm 2019.

- Tổng doanh thu và các khoản thu nhập khác: 4.317,19 tỷ đồng, đạt 102,35 % so với kế hoạch năm 2020 và tăng 6,08 % so với năm 2019.

- Lợi nhuận : 28,52 tỷ đồng, đạt 172,24% so với kế hoạch năm 2020 và tăng 93,34% so với năm 2019.

- Nguồn vốn lưu động chỉ đáp ứng cho sản xuất thường xuyên, nên việc mua sắm thiết bị, vật tư dự phòng thay thế phục vụ cho sản xuất vẫn còn hạn hẹp, xuất hiện dấu hiệu của sự thiếu ổn định về mặt thiết bị trong dây chuyền sản xuất.

- Trong sản xuất Công ty sử dụng nguồn phôi có kích thước nhỏ (130x130x6.000) với số lượng lớn (35,10%) so với 25% năm 2019 nên tác động không nhỏ đến năng suất, tỷ lệ thép gãy, hiệu quả trong sản xuất (đặc biệt là chỉ tiêu tiêu hao kim loại).

Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Cải tạo, lắp đặt thêm đường ống khí cốc dự phòng để thay thế vệ sinh, bảo dưỡng định kỳ định kỳ đảm bảo tận dụng tối đa nguồn khí cốc để giảm tiêu hao nhiên liệu dầu FO. Chủ động dừng sản xuất một số giờ cao điểm để chờ nguyên liệu, đồng thời giảm tiêu hao dầu và chi phí điện năng.

- Tháng 07/2020 Công ty đã lắp đặt 02 máy đóng bó mới, bó bằng thép dây Ø 6-7 mm thay thế cho máy đóng bó bằng đai để đảm bảo độ bền, chắc của bó thép và giảm chi phí đai buộc.

- Cải tạo hệ thống lỗ hình cán chế sản phẩm D10, để cán được một số loại phôi khác nhau đảm bảo hạ giá thành sản phẩm và đa dạng hóa nguồn phôi cán chế cho các sản phẩm D10; D12.

- Phòng thử nghiệm đã được cấp chứng chỉ VILAS phù hợp với tiêu chuẩn ISO IEC 17025:2017.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

- Đầu năm 2020 tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản chiếm 27,78%, tính đến cuối năm 2020 tài sản ngắn hạn chiếm 35,44% trên tổng tài sản. Mức tăng tỷ trọng trên là 7,66% chủ yếu là do tăng tỷ trọng của các khoản phải thu ngắn hạn (9,18%) và tỷ trọng hàng tồn kho giảm (1,53%).

- Đầu năm 2020 tài sản dài hạn trên tổng tài sản chiếm 72,22%, tính đến cuối năm 2020 tài sản dài hạn chiếm 64,56% trên tổng tài sản. Mức giảm tỷ trọng trên là 7,66% chủ yếu là do giảm tỷ trọng của Tài sản cố định (7,22%) và giảm tỷ trọng của Tài sản dài hạn khác (0,44%)

Công ty có 02 khoản nợ xấu phát sinh từ năm 2013 - là các khoản phải thu khách hàng từ bán sản phẩm thép cán của công ty nhưng khách hàng chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc mới chỉ thanh toán một phần. Số tiền nợ xấu là 194.280.953 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng trong năm 2015 và lên kế hoạch thu hồi nợ. Năm 2017, Công ty đã thu hồi được 20.000.000 đồng của Công ty CP sản xuất thép kết cấu và xây dựng Thành Trung. Tính đến 31/12/2020, số tiền nợ xấu là 174.280.953 đồng

b) Tình hình nợ phải trả:

Tổng số nợ phải trả của công ty tại thời điểm 31/12/2020 là gần 1.125 tỷ đồng, chủ yếu là nợ ngân hàng, nợ tiền phôi thép... Trong đó, nợ ngân hàng vẫn chiếm tỷ lệ cao trong tổng số nợ. Vì công ty hoàn thành dự án và đi vào hoạt động được 8 năm cho nên dư nợ vay vẫn ở mức cao và phải trả nợ theo kế hoạch. Đây cũng là áp lực lớn về tài chính đối với Công ty. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang duy trì hoạt động sản xuất thép cán để đảm bảo thanh toán đúng kỳ hạn các khoản nợ vay đối với ngân hàng và các nhà cung cấp.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Về cơ cấu tổ chức: Cơ bản năm 2020, công ty chưa có sự cải tiến rõ rệt về cơ cấu tổ chức quản lý. Tuy nhiên, Công ty đã tổ chức rà soát, đánh giá việc tổ chức quản lý, sản xuất tại phòng ban, phân xưởng, định biên lao động trong toàn Công ty nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực của Công ty.

- Chính sách: Công ty xác định có các chính sách rõ ràng sẽ ngăn chặn những rủi ro xảy đến đối với người lao động và đảm bảo rằng công ty đang tuân theo đúng luật pháp. Chúng cũng sẽ giúp tạo lập văn hoá công ty, mọi vấn đề liên quan được giải quyết công bằng và nhất quán.

Có một chính sách rõ ràng để đem lại hình ảnh tích cực cho công ty trong mắt khách hàng và chính quyền địa phương. Bên cạnh việc nâng cao uy tín công ty, nó cũng có thể giúp công ty thu hút thêm nhiều lao động mới.

- Quản lý: Công ty thực hiện chính sách quản lý hoạt động của doanh nghiệp bằng biện pháp ban hành hệ thống văn bản điều hành trong nội bộ Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật. Hệ thống văn bản luôn được rà soát, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với

điều kiện thực tế của doanh nghiệp, quy định của pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Nâng cao trình độ chuyên nghiệp về quản trị doanh nghiệp về tài chính, kinh doanh, kỹ thuật thông qua xây dựng và đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp;

- Đảm bảo các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước;

- Phát huy cao độ mọi nguồn nhân lực để nâng cao sức cạnh tranh và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động;

- Phấn đấu xây dựng Công ty thành một đơn vị hàng đầu trong ngành thép Việt nam.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.

Qua các đợt kiểm tra đo quan trắc môi trường, kết quả các các chỉ tiêu về môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép.

Công ty tích cực tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường đối với người lao động. Tăng cường công tác kiểm tra định kỳ, thường xuyên, đột xuất trong quá trình sản xuất.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Năm 2020, mặc dù còn nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh, song Công ty đã chú trọng giải quyết các vấn đề liên quan đến người lao động như tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, chăm lo sức khỏe cho người lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty ý thức được trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với toàn xã hội thông qua sản phẩm của mình đưa ra thị trường. Có sản phẩm tốt và an toàn cho cộng đồng sẽ đảm bảo lợi ích cho doanh nghiệp, lợi ích cho xã hội và đặc biệt là nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Năm 2020 Công ty đạt 104,26% sản lượng kế hoạch. Ngoài sản xuất thép cán mang thương hiệu TISCO, Công ty còn sản xuất thép cán mang thương hiệu khác nhằm giải quyết những khó khăn về tài chính, đồng thời tạo việc làm, thu nhập của người lao động.

- Về doanh thu và lợi nhuận:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH 2020	TH 2020	Tăng trưởng so với 2019 (%)	% vượt kế hoạch
A	B	1	2	3	4=3/1	5 = 3/2
Tổng doanh thu và những khoản	Tỷ đồng	4.069,68	4.218	4.317,19	6,08	2,35

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH 2020	TH 2020	Tăng trưởng so với 2019 (%)	% vượt kế hoạch
A	B	1	2	3	4=3/1	5 = 3/2
thu nhập khác						
Lợi nhuận	Tỷ đồng	14,75	16,56	28,52	93,34	72,27

- Về trách nhiệm môi trường và xã hội:

+ Công ty Cổ phần Cán thép Thái trung luôn cho rằng, một doanh nghiệp muốn phát triển bền vững thì trước hết phải tự đặt ra trách nhiệm của mình đối với nhân viên, cộng đồng dân cư xung quanh Nhà máy sản xuất của Công ty, môi trường sản xuất, môi trường thiên nhiên. Cụ thể, Công ty luôn có nhiều định hướng đầu tư và cải tiến trang thiết bị, kỹ thuật nhằm bảo vệ môi trường sống, như giảm thiểu việc sử dụng nước và năng lượng trong sản xuất, đầu tư mua sắm các trang thiết bị - công nghệ hiện đại...

+ Công ty sử dụng năng lượng sạch (khí CNG) kết hợp với khí cốc và năng lượng đang sử dụng (dầu FO) nung phôi thép, tạo nên môi trường sản xuất thân thiện với môi trường thiên nhiên, môi trường sống.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty một cách tốt nhất. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2021:

Căn cứ tình hình thực tế, Hội đồng quản trị Công ty dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Tỷ lệ % KH2021/TH2020
1	Giá trị SXCN	Tỷ đồng	1.505	1.501	99,73
2	Sản phẩm thép cán các loại	Tấn	396.176	395.000	99,70
3	Tổng doanh thu và các khoản thu nhập khác	Tỷ đồng	4.317	5.384	124,71
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	28,52	8,80	30,86
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	28,52	8,80	30,85
6	Nộp ngân sách (thuế)	Tỷ đồng	23,20	22,40	96,55
7	Lao động bình quân (người /tháng)	Người	275	280	101,82
8	Thu nhập bình quân	Tr. đồng	9,70	9,10	93,81
9	Cổ tức	%	0	0	0

Mục tiêu trong năm 2021:

Năm 2021, Công ty sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, xuất phát từ một số nguyên nhân như dư thừa công suất sản xuất thép cán ngày càng lớn ngay trong nội địa, làm gia tăng sức ép cạnh tranh. HĐQT tiếp tục tăng cường công tác quản trị, dự báo và đưa ra chính sách phù hợp nhằm ứng phó linh hoạt với những diễn biến khó lường của thị trường, chỉ đạo giám sát hoạt động của Ban điều hành nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2021 tập trung vào một số mặt sau:

- Về tài chính:

+ Lập chi tiết kế hoạch tài chính năm 2021, cân đối thanh toán cho ngân hàng, nhà cung cấp phù hợp, đảm bảo vòng quay tài chính.

+ Chủ động tiếp cận một số ngân hàng để vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất cạnh tranh.

+ Đôn đốc khách hàng thanh toán đúng hạn, không để nợ quá hạn

+ Hoàn thiện chính xác, kịp thời các hồ sơ vay ngắn hạn. Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn.

+ Theo dõi các hồ sơ vay ngắn hạn, dài hạn, ân hạn, sự thay đổi lãi suất qua từng kỳ để đảm bảo tính đúng, tính đủ lãi hàng tháng cũng như gốc phải trả.

+ Quản chặt chẽ công nợ, không để phát sinh nợ khó đòi;

+ Xây dựng và triển khai chương trình tiết kiệm;

+ Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế quản lý cho phù hợp với thực tế tại Công ty;

- Về đầu tư:

Đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới và thực hiện các giải pháp nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí trong quá trình sản xuất và quản lý.

- Về cơ cấu lại doanh nghiệp:

+ Tiếp tục sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và quản trị doanh nghiệp theo hướng tinh giản biên chế gọn nhẹ và hiệu quả;

+ Đẩy mạnh công tác đào tạo và quy hoạch cán bộ quản lý.

Mục tiêu dài hạn:

- Cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ thỏa mãn nhu cầu và hàm chứa yếu tố trách nhiệm xã hội, thân thiện với môi trường;

- Tôn trọng và tạo cơ hội phát triển cho mọi thành viên trong Công ty;

- Coi các nhà cung cấp nguyên vật liệu, nhà phân phối... là đối tác chiến lược của công ty;

- Duy trì và vận hành có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và hệ thống phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ tại công ty	Số CP sở hữu; Tỷ lệ so với VDL		Số CP đại diện; Tỷ lệ so với VDL		Chức vụ tại các tổ chức khác	Ghi chú
			Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)		
1	Hoàng Danh Sơn	Chủ tịch HĐQT (Không điều hành)			23.793.827	46,84	Kế toán trưởng CTCP Gang thép Thái Nguyên (TISCO)	Đại diện vốn của TISCO)
2	Trần Tuấn	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Điều hành)			23.793.826	46,84		Đại diện vốn của TISCO)
3	Phạm Thế Dũng	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Điều hành)	5.000	0,01				

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty không thành lập tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Với vai trò là đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, cùng với Ban Tổng giám đốc điều hành của Công ty chỉ đạo thực hiện Nghị quyết và các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Các vấn đề về nhân sự và quản lý của Công ty theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- HĐQT đã thường xuyên kiểm tra tình hình, đôn đốc Công ty thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, phối hợp với Ban điều hành kịp thời có các biện pháp phù hợp điều chỉnh hoạt động kinh doanh, chấn chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các mặt quản lý trong công tác quản trị doanh nghiệp.

- Phối hợp với Ban kiểm soát Công ty để tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý, chỉ đạo Công ty thực hiện các mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra và tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định, tổ chức các phiên họp định kỳ và ban hành các Nghị quyết, Quyết định kịp thời trên cơ sở bám sát tình hình thực tế của Công ty.

- Tổ chức các phiên họp Hội đồng quản trị định kỳ, lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết, Quyết định phê duyệt theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị, tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đầy đủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT đảm bảo cho Công ty phát triển đúng định hướng và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông

qua.

- Hội đồng quản trị thực hiện nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể, đa số tán thành. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành. Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 phiên họp trực tiếp, các cuộc họp HĐQT đều có đủ số thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Các Nghị quyết và Quyết định Hội đồng quản trị ban hành trên cơ sở ý kiến thống nhất của đa số thành viên Hội đồng quản trị. Ngoài ra Hội đồng quản trị còn thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua Nghị quyết, quyết định. Năm 2020 Hội đồng quản trị đã ban hành 12 Nghị quyết và 15 quyết định.

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

+ Trong năm 2020, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần Cán thép thái Trung đã hoàn thành tốt việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

+ Hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 và HĐQT thông qua;

+ Tiếp tục củng cố các nền tảng phát triển bền vững theo định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2018 - 2023;

+ Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các quyết định của HĐQT và triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm đã được HĐQT phê duyệt;

+ Trong quá trình điều hành, Ban điều hành Công ty đã tuân thủ theo đúng phân cấp quản trị, các quy chế nội bộ của Công ty cũng như các quyết định của HĐQT.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Thành viên BKS	Chức vụ tại công ty	Số CP sở hữu; Tỷ lệ so với VĐL		Số CP đại diện; Tỷ lệ so với VĐL		Chức vụ tại các tổ chức khác	Ghi chú
			Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)		
1	Đỗ Thủy Hương	Trưởng Ban kiểm soát	3.000	0,006				
2	Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên BKS, Trưởng phòng TCHC						
3	Bùi Văn Lùng	Thành viên BKS						Từ nhiệm từ 28/10/2020

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2020, Ban kiểm soát đã tổ chức họp 04 phiên, các thành viên đều bố trí thời gian dự họp đầy đủ. Trong đó có 01 thành viên dự họp 3/4 phiên (có đơn từ nhiệm từ ngày 28/10/2020)

Năm 2020, Ban kiểm soát Công ty đã tiến hành triển khai và thực hiện nghiêm túc việc giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính - kế toán, đảm bảo tính hợp pháp trong các hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác của công ty;

- Giám sát việc thực hiện những nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

- Giám sát, đảm bảo việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty;

- Chủ động lập kế hoạch kiểm soát và triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

- Thẩm định, soát xét tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tài chính quý, 06 tháng, cả năm của Công ty;

- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

- Giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định của công ty đã ban hành;

- Kiểm soát tính hợp pháp, hợp lý, trung thực trong công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán và lập Báo cáo tài chính;

- HĐQT đã chủ động trong việc giám sát và điều hành, điều chỉnh kịp thời chiến lược kinh doanh cũng như các quyết sách cụ thể trong hoạt động của Công ty;

- Ban Tổng giám đốc Công ty đã bám sát các quyết sách và thực thi nhanh chóng kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng như các quyết sách cụ thể trong hoạt động Công ty của Hội đồng quản trị:

- Đối với tổ chức công tác kế toán:

+ Công tác kế toán đã tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan, đảm bảo nguyên tắc trung thực, thận trọng, hợp lý và Báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành.

+ Công tác kế toán đã kịp thời giúp HĐQT và Ban Tổng Giám đốc có những quyết định phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính 2020:

+ Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, 06 tháng và năm của Công ty.

+ Ban kiểm soát đánh giá báo cáo đã đảm bảo tính hệ thống, nhất quán và tính tuân thủ đối với các quy định hiện hành về nội dung báo cáo và thời gian lập báo cáo.

- Kiểm soát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty.

+ Ban kiểm soát nhận thấy các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc công ty phù hợp với quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cũng như đã thực hiện được mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông 2020 đề ra.

+ Ban kiểm soát nhất trí với nội dung báo cáo kết quả SXKD năm 2020 của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

- Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT:

Công ty thực hiện chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2020.

- Ý kiến cổ đông:

Năm 2020, Ban Kiểm soát không nhận được ý kiến đóng góp, khiếu nại của cổ đông về các hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc công ty và Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành và cổ đông, và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông;

- Chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Phòng/Ban chuyên môn trong công việc;

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị và đóng góp ý kiến, kiến nghị trong việc giám sát hoạt động tổ chức và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty trong các cuộc họp;

- Ban kiểm soát đã được cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty, trao đổi thường xuyên với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc công ty về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các Nghị quyết đã được ĐHCĐ thường niên 2020 thông qua. Trên cơ sở đó, Ban kiểm soát đánh giá công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tuân thủ quy định pháp lý liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như phù hợp Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2020.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác năm 2020:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Lợi ích			Tổng cộng	Ghi chú
			Tiền lương	Tiền lễ, tết, TK chi phí	Thù lao		
I	Hội đồng quản trị						
1	Hoàng Danh Sơn	Chủ tịch HĐQT		7,00	51,00	58,00	
2	Trần Tuấn	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	228,00	158,67		386,67	
3	Phạm Thế Dũng	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	192,00	122,34		314,34	

TT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Lợi ích			Tổng cộng	Ghi chú
			Tiền lương	Tiền lễ, tết, TK chi phí	Thù lao		
II	Ban Kiểm soát						
1	Đỗ Thủy Hương	Trưởng Ban KS	156,00	92,34		248,34	
2	Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên	137,59	78,54	18,00	234,13	
3	Bùi Văn Lùng	Thành viên			16,50	16,50	Từ nhiệm từ 28/10/2020
III	Cán bộ quản lý khác						
1	Phan Đình Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	192,00	131,09		323,09	
2	Nguyễn Thị Minh Châu	Kế toán trưởng	180,00	115,53		295,53	

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có giao dịch

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm.

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, giá trị giao dịch	Ghi chú

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Đánh giá công tác quản lý của Công ty: Công tác quản lý vốn và tài sản, quản lý chất lượng, quản lý đầu tư, quản lý lao động... theo đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.

+ Hội đồng quản trị thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản lý Công ty. Hội đồng quản trị ban hành các quy chế, quy định phân cấp, phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Đảm bảo sự điều hành không chồng chéo, các quy định ban hành phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật Nhà nước.

+ Các văn bản Quy chế quản lý nội bộ Công ty đã thường xuyên được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với quy định của Pháp luật và yêu cầu thực tế công tác quản lý kinh doanh.

- Kiện toàn chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị: Năm 2020, ngay sau Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, Công ty đã cơ cấu lại chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị. Theo đó Chủ tịch Hội đồng quản trị thôi kiêm nhiệm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ

Công ty và quy định của pháp luật.

- Đào tạo về quản trị công đối các thành viên HĐQT, thành viên BKS. Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty còn hạn chế.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Toàn văn ý kiến kiểm toán và Báo cáo tài chính năm 2020 đã được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Công ty www.ttr.com.vn.

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 03 năm 2021

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Các TV HĐQT; BKS;
- Ban TGD và KTT;
- www.ttr.com.vn ;
- Lưu: VT, Thư ký Cty.



